

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 06-01-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXX-ST ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: hẻm F T, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn S, sinh năm: 1956 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Tôi (N) và vợ chồng ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị M có quan hệ quen biết, cùng buôn bán tại chợ P trên 20 năm, nên tôi có cho vợ chồng ông S, bà M mượn số tiền tổng cộng là 540.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 10/9/2023 (AL), cho mượn 300.000.000 đồng;

- Ngày 20/9/2023 (AL), cho mượn 170.000.000 đồng nhưng bà M chỉ ghi trong giấy là 17.000.000 đồng, nên tôi có sửa lại thành chữ một trăm bảy triệu

chẵn 170.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2023 (AL), cho mượn 30.000.000 đồng.

- Ngày 20/02/2024 (AL), cho mượn 40.000.000 đồng.

Khi mượn hai bên không thỏa thuận về thời gian trả và lãi suất, nhưng sau đó bà M có hẹn tôi đến ngày 05/5 âm lịch sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả dù tôi đã đòi rất nhiều lần. Nay phía ông S, bà M không thừa nhận có nhận của tôi số tiền 170.000.000 đồng, nên theo giấy tờ tôi phải chịu; do đó tôi thống nhất chỉ cho ông S bà M mượn số tiền tổng cộng là 387.000.000 đồng. Ông S, bà M đã trả được cho tôi 50.000.000 đồng nên còn lại 337.000.000 đồng. Do đó, nay tôi khởi kiện yêu cầu ông S, bà M phải trả lại cho tôi dứt điểm một lần số tiền 337.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền 153.000.000 đồng ông S bà M không thừa nhận, tôi cũng không có tài liệu chứng cứ nên tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này, không đề nghị Tòa xem xét buộc ông S, bà M trả số tiền 153.000.000 đồng này nữa.

** Bị đơn ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị M thống nhất trình bày:* Vợ chồng tôi (S, M) thừa nhận có mượn tiền của bà N như các giấy mượn tiền bà N cung cấp, nhưng đối với giấy mượn tiền ngày 20/9/2023 (AL), chúng tôi chỉ mượn có 17.000.000 đồng nhưng bà N tự ghi thêm là 170.000.000 đồng, nên chúng tôi không thừa nhận đối với số tiền 153.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng chúng tôi có mượn của bà N số tiền là 387.000.000 đồng; chúng tôi đã trả được 50.000.000 đồng nên hiện chúng tôi chỉ còn nợ bà N số tiền 337.000.000 đồng. Nay bà N kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền 337.000.000 đồng thì chúng tôi chấp nhận nhưng do tuổi cũng đã cao không có khả năng lao động nên chúng tôi xin trả dần hàng tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ tổng cộng là 337.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, không chấp nhận cho trả dần; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 153.000.000 đồng.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 337.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 153.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp

quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận; đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 337.000.000 đồng, thấy: Căn cứ các Giấy mượn tiền (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các bên đương sự, có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền các lần như sau:

- Ngày 10/9/2023 (AL), vay 300.000.000 đồng;
- Ngày 20/9/2023 (A), vay 17.000.000 đồng.
- Ngày 04/11/2023 (A), vay 30.000.000 đồng.
- Ngày 20/02/2024 (A), vay 40.000.000 đồng.

[3] Tổng cộng, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 387.000.000 đồng; bị đơn đã trả được 50.000.000 đồng; còn lại 337.000.000 đồng chưa trả. Các giấy mượn tiền không xác định lãi suất và không ghi rõ thời hạn trả nợ, nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không lãi suất nên nguyên đơn có quyền đòi lại bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bị đơn một thời gian hợp lý. Tại phiên tòa, hai bên xác định vào khoảng tháng 02/2024 (âm lịch) nguyên đơn đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng đến nay bị đơn vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ tổng cộng là 337.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Bị đơn thừa nhận nợ và xin được trả dần hàng tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Trong trường hợp này, hai bên không thỏa thuận được về thời gian và phương thức trả nợ nên bị đơn phải có trách nhiệm trả đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 153.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn ông Nguyễn S và bà Huỳnh Thị M phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ tổng cộng là 337.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng*); không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Nguyễn S, bà Huỳnh Thị M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N 10.800.000 đồng (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002927 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L

Bản án số: 48/2017/DS-ST Ngày:
25-9-2017
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị N1 và bà Trần Thị Ngọc Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ S1 – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 13/7/2017 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/QĐXX-ST ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1;

Địa chỉ: C H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Bùi Quốc B, Giám đốc P1 - Ngân hàng Đ1, chi nhánh P2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Bùi Thị Thu T có vay của Ngân hàng TMCP Đ1 theo các hợp đồng sau:

- Ngày 24/8/2013, bà Bùi Thị Thu T vay của Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng số 330/2013/HĐ, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 11 tháng nhưng sau đó gia hạn hàng năm, ngày đến hạn trả nợ là 20/7/2017; nhưng đến nay bà T không trả.

- Ngày 18/12/2014, bà T tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng theo Hợp đồng số 87/2014/HĐ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Đến nay bà T còn nợ số tiền gốc là 23.094.000 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán.

- Ngày 10/7/2015, bà T tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng số 26/2015/HĐ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Đến nay bà T còn nợ số tiền gốc là 10.548.000 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán.

- Ngày 24/02/2016, bà T tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 43.000.000 đồng theo Hợp đồng số 50/2016/HĐ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm. Đến nay bà T còn nợ số tiền gốc là 35.799.340 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán.

Đến nay các khoản vay của bà T đã phát sinh quá hạn nhưng bà T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đốc thúc, làm việc.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ của 04 hợp đồng nói trên tính đến ngày 22/8/2017 tổng cộng là 107.536.613 đồng, trong đó: nợ gốc: 99.441.340 đồng, nợ lãi: 7.012.170 đồng và lãi phạt 1.083.103 đồng.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 do ông Lưu Bùi Quốc B làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2017) bà Bùi Thị Thu T còn nợ Ngân hàng theo 04 hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng; trong đó: gốc 99.441.340 đồng, lãi 9.457.815 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 464, 466, 468 của BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ

gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết đến ngày 25/9/2017. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 19/7/2017 thì tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Bùi Thị Thu T không có mặt tại nơi cư trú. Việc bà T bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc bà T không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Bùi Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2017), bà Bùi Thị Thu T còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ1 theo 04 hợp đồng đã ký kết số tiền tổng cộng là 108.899.155 đồng, trong đó: gốc là 99.441.340 đồng và lãi là 9.457.815 đồng; cụ thể: theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 330/2013/HĐ ngày 24/8/2013 là 32.168.509 đồng (gốc: 30.000.000 đồng; lãi: 2.168.509 đồng); Hợp đồng tín dụng số 87/2014/HĐ ngày 18/12/2014 là 25.645.358 đồng (gốc: 23.094.000 đồng; lãi: 2.164.341 đồng, lãi phạt: 387.017 đồng); Hợp đồng tín dụng số 26/2015/HĐ ngày 10/7/2015 là 11.646.871 đồng (gốc: 10.548.000 đồng, lãi: 985.432 đồng, lãi phạt: 113.439 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 50/2016/HĐ ngày 24/02/2016 là 39.438.417 đồng (gốc: 35.799.340 đồng, lãi: 3.444.782 đồng, lãi phạt: 194.295 đồng).

Xét thấy, việc bà Bùi Thị Thu T không thanh toán các khoản nợ gốc và lãi khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền vay còn nợ đến ngày 25/9/2017 theo 04 Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Đ1 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1.

Buộc bị đơn bà Bùi Thị Thu T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền vay còn nợ đến ngày 25/9/2017 theo 04 Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng (*Một trăm linh tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi lăm đồng*), trong đó: gốc là 99.441.340 đồng và lãi là 9.457.815 đồng; cụ thể: theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 330/2013/HĐ ngày 24/8/2013 là 32.168.509 đồng (gốc: 30.000.000 đồng; lãi: 2.168.509 đồng); Hợp đồng tín dụng số 87/2014/HĐ ngày 18/12/2014 là 25.645.358 đồng (gốc: 23.094.000 đồng; lãi: 2.164.341 đồng, lãi phạt: 387.017 đồng); Hợp đồng tín dụng số 26/2015/HĐ ngày 10/7/2015 là 11.646.871 đồng (gốc: 10.548.000 đồng, lãi: 985.432 đồng, lãi phạt: 113.439 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 50/2016/HĐ ngày 24/02/2016 là 39.438.417 đồng (gốc: 35.799.340 đồng, lãi: 3.444.782 đồng, lãi phạt: 194.295 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn bà Bùi Thị Thu T phải chịu 5.445.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004958, ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng

TMCP Đ1 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

